TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2018/QĐST-DS	*Ngọc Hồi, ngày 15 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 3 năm 2018, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 102/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L;

Địa chỉ: Số 83 Hoàng Thị L, tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện N, tỉnh K;

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Hà T;

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đến ngày 07/3/2018 chị Phạm Thị Hà T công nhận còn nợ chị Trịnh Thị L tổng số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), chị T đồng ý trả toàn bộ số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) cho chị L, thời hạn chị T trả số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) cho chị L là ngày 07/4/2018.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho bên được thi hành án, thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Trịnh Thị L nhận chịu 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) trong số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, thành tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Trịnh Thị L 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2014/0001855 ngày 09-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh K;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bá Khen